

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2024

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện T, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Minh N, sinh năm 1992; vắng mặt.

Nơi thường trú: Số C đường N, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1986; vắng mặt.

Quê quán: Xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi thường trú: Số C đường N, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Minh N trong việc giao nộp, nhận các văn bản tố tụng từ Toà án: Chị Vũ Thúy H, sinh năm 1994; nơi thường trú: Tổ H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ nơi làm việc: Công ty L2 - Số F, đường T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1965; bà Bùi Thị G, đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1967; bà Bùi Thị L1, sinh năm 1967; đều có địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị N trình bày: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy các con. Hiện tại chị và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có hai con là Nguyễn Đình Gia M1, sinh ngày 31/3/2015; Nguyễn Đình Gia B1, sinh ngày 13/10/2017, hiện tại các con do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh M không gửi văn bản nêu ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông L, bà G (bố mẹ anh M) trình bày: Trong quá trình chung sống trước đây giữa hai bên đương sự có phát sinh mâu thuẫn; gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không thành; hiện tại hai bên sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, các bên đương sự ly hôn, giải quyết việc nuôi con khi ly hôn, gia đình ông bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình ông bà đã nhận, đã giao và thông báo cho đương sự được biết. Người làm chứng ông B, bà L1 (bố mẹ chị N) đề nghị giải quyết cho các bên đương sự được ly hôn; giao các cháu M1, B1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; về công sức, nguồn lực tài chính trong việc hỗ trợ đương sự nuôi dưỡng các cháu M1, B1, ông B, bà L1 không yêu cầu đương sự phải hoàn trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (trừ anh M) đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng: Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 của Bộ luật Dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

UBTVQH. Xử, chị N ly hôn anh M; giao các con cho chị N nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh M, ông L, bà G được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Chị N, ông B, bà L1, chị H đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Xác định chị N, anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy các con, hiện tại hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Theo xác minh tại chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị N cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh M biết, nhưng anh M không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh M không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị N. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị N được ly hôn anh M.

[3]. Về con chung: Xác định chị N, anh M có hai con là Nguyễn Đình Gia M1, sinh ngày 31/3/2015; Nguyễn Đình Gia B1, sinh ngày 13/10/2017, hiện tại do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con; còn anh M không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con khi vợ chồng ly hôn. Sau khi xem xét quan điểm của đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu M1 trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ là chị N; còn cháu B1 chưa đủ 07 tuổi, nhưng từ khi các bên đương sự sống ly thân (năm 2018) chị N là người chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi nuôi dưỡng chị N đều đảm bảo các điều kiện về chỗ ở, thu nhập, công việc, đồng thời không vi phạm các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao các cháu M1, B1 cho chị N nuôi dưỡng, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai

được ngăn cản.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị **N** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị **Phạm Minh N** ly hôn anh **Nguyễn Đình M**.
- Về con chung: Giao các con chung **Nguyễn Đình Gia M1**, sinh ngày 31/3/2015; **Nguyễn Đình Gia B1**, sinh ngày 13/10/2017 cho chị **Phạm Minh N** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị **N** không yêu cầu anh **Nguyễn Đình M** phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh **Nguyễn Đình M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
- Về án phí: Chị **Phạm Minh N** chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0001090 ngày 22/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.
- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chị Vũ Thuý Hằng;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND phường Bình Hàn, Tp Hải Dương;
- UBND xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và UBND xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

